

UBND TỈNH ĐỒNG NAI  
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 666/STP-BTTP

Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2017

V/v tổ chức kiểm tra kết quả tập sự  
hành nghề công chứng lần thứ hai

Kính gửi:

- Hội Công chứng viên tỉnh Đồng Nai;
- Các Tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

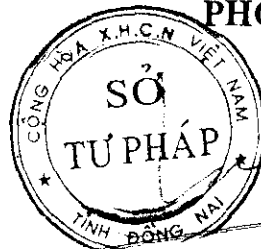
Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 1330/BTP-HĐKT và Quyết định số 568/QĐ-HĐKT ngày 20/4/2017 của Bộ Tư pháp về việc tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai và ban hành Nội quy kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai.

Sở Tư pháp đề nghị Hội Công chứng viên, các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh cập nhật vào Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp theo địa chỉ <http://stp.dongnai.gov.vn/> mục “Văn bản chỉ đạo điều hành” để tải nội dung các Văn bản trên và tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở;
- Trang TTĐT STP (dăng tải);
- Lưu: VT, BTTP.

KT. GIÁM ĐỐC   
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Văn Toàn

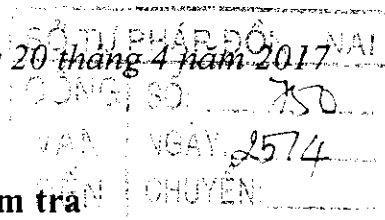


**BỘ TƯ PHÁP  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ  
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG  
CHỨNG LẦN THỨ HAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 568/QĐ-HĐKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Nội quy kỳ kiểm tra**  
**kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Căn cứ Luật công chứng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-BTP ngày 17/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai;

Căn cứ Quyết định số 566/QĐ-HĐKT ngày 20/4/2017 của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai về việc ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm tra;

Xét đề nghị của các thành viên Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Nội quy kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai.

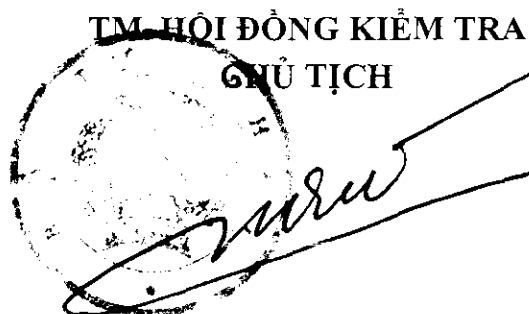
**Điều 2.** Nội quy kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng được áp dụng trong quá trình tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng, thành viên Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm

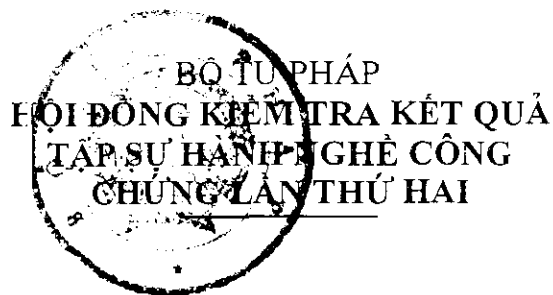
thi, Ban Phúc tra và các thí sinh tham dự kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai có trách nhiệm thi hành Quyết định này. QU

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Tư pháp, Hội Công chứng viên các tỉnh, thành phố có người tham dự kiểm tra (để p/h);
- Lưu: VT, Cục BTTP.



**THỨ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**  
**Trần Tiến Dũng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## **NỘI QUY** **KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 568/QĐ-HĐKT ngày 20 tháng 4 năm 2017  
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai)*

### **Điều 1. Quy định đối với thí sinh tham dự kỳ kiểm tra kết quả hành nghề công chứng**

1. Phải có mặt trước phòng thi đúng giờ quy định; trang phục gọn gàng, thể hiện văn minh, lịch sự.

2. Xuất trình Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân khác có dán ảnh do cơ quan có thẩm quyền cấp để giám thị phòng thi đối chiếu khi gọi vào phòng thi.

3. Ngồi đúng chỗ theo số báo danh, để các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này trên mặt bàn để giám thị phòng thi và các thành viên Hội đồng kiểm tra đối chiếu.

4. Chỉ được mang vào phòng thi bút viết, thước kẻ và các văn bản quy phạm pháp luật (văn bản chỉ gồm nội dung các quy phạm pháp luật, không có nội dung bình luận, giải thích hoặc nội dung khác kèm theo), trừ Thông tư số 11/2012/TT-BTP ngày 30/10/2012 ban hành Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và các mẫu hợp đồng, giao dịch; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện thông tin khác.

5. Chỉ sử dụng loại giấy thi được phát để làm bài kiểm tra, không được làm bài kiểm tra trên giấy khác. Phải ghi đầy đủ các mục quy định trong giấy thi tại phần dành cho thí sinh. Mỗi tờ giấy thi phải có đủ chữ ký của 02 giám thị phòng thi; bài kiểm tra không có đủ chữ ký của 02 giám thị phòng thi được xem là không hợp lệ.

6. Bài kiểm tra chỉ được viết bằng một loại mực có màu xanh hoặc màu đen. Không được sử dụng các loại mực màu khác, mực nhũ, mực phản quang, bút chì để làm bài kiểm tra.

7. Trừ phần ghi bắt buộc trên trang phách, thí sinh không được ghi họ tên, chữ ký của thí sinh, không được gạch chân các tiêu đề hoặc có những biểu hiện

đánh dấu bài khác.

8. Giữ trật tự và không được hút thuốc hoặc sử dụng các chất kích thích trong phòng thi.

9. Không được trao đổi với người khác trong thời gian kiểm tra, không được trao đổi giấy thi, giấy nháp, không được nhìn, chép bài kiểm tra của thí sinh khác hoặc có bất kỳ một hành động gian lận nào khác.

10. Nếu cần hỏi điều gì, phải giơ tay hỏi công khai giám thị phòng thi.

11. Trường hợp cần viết lại hoặc viết sai, thí sinh dùng thước kẻ gạch giữa dòng chữ, không được dùng bút xóa trong bài kiểm tra.

12. Chỉ được nộp bài kiểm tra hoặc ra ngoài phòng thi sau hai phần ba thời gian làm bài và phải được sự đồng ý của giám thị phòng thi; không giải quyết cho thí sinh ra ngoài phòng thi đối với bài kiểm tra trắc nghiệm (nếu có kiểm tra trắc nghiệm).

13. Trong thời gian không được ra ngoài phòng thi theo quy định tại khoản 12 Điều này, thí sinh có đau, ốm bất thường thì phải báo cáo giám thị phòng thi và giám thị phòng thi phải báo ngay cho Trường ban coi thi xem xét, giải quyết.

14. Ngừng làm bài và nộp bài kiểm tra cho giám thị phòng thi ngay sau khi giám thị phòng thi tuyên bố hết thời gian làm bài kiểm tra. Phải ghi rõ số tờ, số trang của bài kiểm tra đã nộp và ký vào danh sách nộp bài kiểm tra. Trường hợp không làm được bài, thí sinh cũng phải nộp lại giấy thi.

## **Điều 2. Xử lý vi phạm đối với thí sinh**

1. Hình thức khiển trách: Được áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi:

- a) Ngồi không đúng chỗ ghi số báo danh của mình;
- b) Trao đổi với người khác đã bị nhắc nhở 01 (một lần) nhưng vẫn không chấp hành;
- c) Mang tài liệu vào phòng thi nhưng chưa sử dụng (trừ những tài liệu được phép mang vào phòng thi).

Hình thức khiển trách do giám thị phòng thi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi. Thí sinh bị khiển trách ở bài kiểm tra nào sẽ bị trừ 20% kết quả điểm kiểm tra của bài kiểm tra đó.

2. Hình thức cảnh cáo: Được áp dụng đối với thí sinh vi phạm một trong các lỗi:

- a) Đã bị khiển trách nhưng vẫn tiếp tục vi phạm nội quy phòng thi;

b) Sử dụng tài liệu trong phòng thi (trừ những tài liệu được phép mang vào phòng thi);

c) Trao đổi giấy nháp, bài kiểm tra cho nhau;

d) Chép bài của người khác;

đ) Sử dụng điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, máy tính bảng, máy quay phim và các phương tiện thông tin khác trong phòng thi (trừ trường hợp đề kiểm tra có quy định khác).

Hình thức cảnh cáo do giám thị phòng thi lập biên bản, thu tang vật và công bố công khai tại phòng thi. Thí sinh bị cảnh cáo ở bài kiểm tra nào thì sẽ bị trừ 40% kết quả điểm kiểm tra của bài kiểm tra đó.

3. Hình thức đình chỉ kiểm tra: Được áp dụng đối với thí sinh đã bị lập biên bản xử lý ở hình thức cảnh cáo nhưng vẫn cố tình vi phạm nội quy kỳ kiểm tra;

Hình thức đình chỉ kiểm tra do Trường ban coi thi quyết định và công bố công khai tại phòng thi. Thí sinh bị đình chỉ kiểm tra môn nào thì bài kiểm tra môn đó được chấm điểm 0.

4. Hủy bỏ kết quả kiểm tra: Được áp dụng đối với thí sinh bị phát hiện đánh tráo bài kiểm tra, kiểm tra hộ hoặc đã bị xử lý kỷ luật ở bài kiểm tra trước, nhưng bài kiểm tra sau vẫn cố tình vi phạm nội quy đến mức cảnh cáo.

5. Nếu thí sinh vi phạm ở mức độ nghiêm trọng, cố ý gây mất an toàn trong phòng thi thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật

6. Các trường hợp thí sinh vi phạm nội quy kỳ kiểm tra phải lập biên bản thì giám thị phòng thi và thí sinh vi phạm phải ký vào biên bản. Trường hợp thí sinh vi phạm không chịu ký vào biên bản thì mời thí sinh bên cạnh chứng kiến và cùng ký vào biên bản. Sau khi lập biên bản và công bố công khai tại phòng thi, giám thị phòng thi phải báo cáo ngay với Trường ban coi thi.

7. Thí sinh có quyền tố giác những người vi phạm nội quy, quy chế kỳ kiểm tra cho giám thị, Trường ban coi thi hoặc thành viên Hội đồng kiểm tra.

### **Điều 3. Quy định đối với giám thị phòng thi, giám thị hành lang và giám khảo vấn đáp**

1. Phải có mặt tại địa điểm kiểm tra đúng giờ quy định; trang phục gọn gàng thể hiện văn minh, lịch sự.

2. Thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao theo quy chế và nội quy kỳ kiểm tra.

3. Giữ trật tự, không được hút thuốc, không được sử dụng điện thoại di

động, máy ảnh, máy ghi âm, máy vi tính trong phòng thi.

4. Không được trao đổi riêng với bất kỳ thí sinh nào trong thời gian thi.

**Điều 4. Xử lý vi phạm đối với giám thị phòng thi, giám thị hành lang và giám khảo vấn đáp**

1. Giám thị phòng thi, giám thị hành lang và giám khảo vấn đáp vi phạm các quy định tại Điều 3 của Nội quy này thì tùy theo mức độ vi phạm, Trưởng ban coi thi hoặc Trưởng Ban chấm thi nhắc nhở hoặc đề nghị Chủ tịch Hội đồng kiểm tra đình chỉ nhiệm vụ giám thị.

2. Trường hợp giám thị phòng thi, giám thị hành lang và giám khảo vấn đáp có các hành vi làm lộ đề thi, chuyển đề thi ra ngoài, chuyển đáp án từ ngoài vào phòng thi thì Chủ tịch Hội đồng kiểm tra đình chỉ nhiệm vụ của những người này; trường hợp vi phạm nghiêm trọng, gây ảnh hưởng đến kết quả kỳ kiểm tra thì bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức hoặc bị truy tố theo quy định của pháp luật. 

**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA**

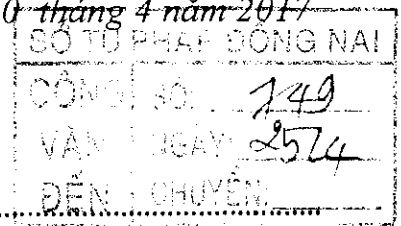


**BỘ TƯ PHÁP**  
**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ**  
**TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG**  
**CHỨNG LẦN THỨ HAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1330/BTP-HĐKT  
V/v tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành  
nghề công chứng lần thứ hai

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017



Kính gửi: Sở Tư pháp ..... *Hải Đăng Nai* .....

Thực hiện Kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai ban hành kèm theo Quyết định số 566/QĐ-HĐKT ngày 20/4/2017, Hội đồng kiểm tra thông báo về việc tổ chức kỳ kiểm tra như sau:

1. Kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai được tổ chức trong 03 ngày, từ 19 - 21/5/2017 tại Học viện Tư pháp, số 9 Trần Vĩ, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra được gửi kèm theo Công văn này.

2. Danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra được gửi kèm theo Công văn này.

Đối với những trường hợp có tên trong Danh sách đủ điều kiện tham dự kiểm tra nhưng chưa nộp phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng, đề nghị nộp phí theo quy định của Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và gửi giấy tờ chứng minh đã nộp phí về Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp trước ngày 30/4/2017.

Đối với những trường hợp có tên trong Danh sách người làm lại Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng, đề nghị Sở Tư pháp tập hợp và gửi về Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp theo thời hạn ghi trong Danh sách để trình Chủ tịch Hội đồng kiểm tra xem xét, quyết định việc cho những trường hợp này tham dự kiểm tra.

4. Người tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng tự túc chi phí đi lại, ăn ở trong thời gian tham dự kiểm tra.

Trong trường hợp thí sinh có nhu cầu thuê phòng ký túc xá của Học viện Tư pháp trong thời gian tham dự kiểm tra, đề nghị liên hệ với Phòng Quản trị Học viện Tư pháp (đồng chí Nguyễn Thị Hà, số điện thoại: 0982103608 hoặc đồng chí Đào Thị Đăng, số điện thoại 0985387943).

5. Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai đề nghị Sở Tư pháp thông báo đầy đủ, kịp thời về Kế hoạch tổ chức kiểm tra và các nội dung của Công văn này cho những người đã đăng ký tham dự kiểm tra của địa phương mình.

- Thông tin liên quan đến kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai được thông báo trên trang Cổng trợ tư pháp [www.moj.gov.vn/bttp](http://www.moj.gov.vn/bttp).

- Trong trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, đề nghị liên hệ với đồng chí Nguyễn Thị Vân hoặc đồng chí Chu Văn Khanh, Phòng Quản lý công chứng, Cục Cổng trợ tư pháp theo số điện thoại 04.627.39512.

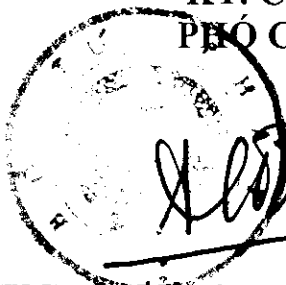
**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Chủ tịch HĐKT - Thứ trưởng Trần Tiến Dũng (để b/c);
- Hội công chứng viên các tỉnh, thành phố có người đăng ký tham dự kiểm tra;
- Cổng Thông tin Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, BTPP.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**CỤC TRƯỞNG CỤC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

**Đỗ Hoàng Yên**

**BỘ TƯ PHÁP  
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ  
TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG  
CHỨNG LẦN THỨ HAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 566/QĐ-HĐKT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Kế hoạch tổ chức kiểm tra kết quả tập sự**  
**hành nghề công chứng lần thứ hai**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

Căn cứ Luật công chứng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-BTP ngày 17/4/2017 về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai;

Xét đề nghị của các thành viên Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai, Cục trưởng Cục Bổ trợ tư pháp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *YH*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Tư pháp, Hội Công chứng viên các tỉnh, thành phố có người tham dự kiểm tra (để p/h);
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA  
CHỦ TỊCH**

**THỦ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**  
**Trần Tiến Dũng**



**KẾ HOẠCH**  
**TỔ CHỨC KỲ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ**  
**CÔNG CHỨNG LẦN THỨ HAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 566/QĐ-HĐKT ngày 20/4/2017  
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai)*

Thực hiện Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng, Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 544/QĐ-BTP ngày 17/4/2017 về việc thành lập Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai để tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng cho những người hoàn thành việc tập sự hành nghề công chứng. Hội đồng kiểm tra xây dựng Kế hoạch tổ chức kiểm tra với các nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích:**

Tổ chức kỳ kiểm tra theo đúng quy định của Thông tư số 04/2015/TT-BTP để đánh giá kết quả tập sự hành nghề công chứng của người đủ điều kiện tham dự kiểm tra, thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện về chuyên môn, đạo đức hành nghề của người tham dự kiểm tra trước khi Bộ Tư pháp xem xét bổ nhiệm công chứng viên.

**2. Yêu cầu:**

a) Nội dung kiểm tra phải đáp ứng yêu cầu kiểm tra, phân loại, đánh giá năng lực của thí sinh, trên cơ sở đó lựa chọn được những người có đủ tiêu chuẩn về chuyên môn, bảo đảm về đạo đức nghề nghiệp để trở thành công chứng viên.

b) Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể trách nhiệm của các cơ quan chức năng từ việc lập kế hoạch đến tổ chức kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

c) Đảm bảo kỳ kiểm tra nghiêm túc, khách quan, khoa học, tiết kiệm và thực hiện đúng quy định của pháp luật

**II. NỘI DUNG**

**1. Thời gian, địa điểm, số lượng người tham dự kiểm tra**

a) Thời gian tổ chức: Từ 19-21/5/2017.

- Địa điểm tổ chức: Học viện Tư pháp, số 9 Trần Vĩ, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

## **2. Đối tượng tham dự và hồ sơ tham dự kiểm tra**

### **2.1. Đối tượng tham dự kiểm tra:**

Người tham dự kiểm tra là người hoàn thành thời gian và các nghĩa vụ của người tập sự theo quy định của Luật công chứng, Thông tư số 04/2015/TT-BTP và có hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra gửi về Bộ Tư pháp chậm nhất là ngày 05/5/2017.

2.2. Hồ sơ tham dự kiểm tra theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BTP, gồm có:

a) Công văn đề nghị cho tham dự kiểm tra của Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự.

b) Giấy đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.

c) Báo cáo kết quả tập sự hành nghề công chứng của người đăng ký tham dự kiểm tra.

2.3. Sau khi thẩm định hồ sơ của những người đăng ký tham dự kiểm tra, Hội đồng kiểm tra thông báo Danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra, Danh sách người không đủ điều kiện tham dự kiểm tra và Danh sách người làm lại hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra (nếu có) cho Sở Tư pháp, Hội công chứng viên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có người đăng ký tham dự kiểm tra, đồng thời thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có người đăng ký tham dự kiểm tra có trách nhiệm thông báo các Danh sách nêu trên đến những người đăng ký tham dự kiểm tra của địa phương mình.

## **3. Nội dung kiểm tra, các bài kiểm tra, hình thức và thời gian kiểm tra**

Theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP thì thí sinh phải thực hiện 02 bài kiểm tra, trong đó có 01 bài kiểm tra viết và 01 bài kiểm tra vấn đáp.

### **a) Bài kiểm tra viết**

Bài kiểm tra viết nhằm kiểm tra thí sinh về pháp luật công chứng, chứng thực, quy tắc đạo đức hành nghề công chứng và kỹ năng hành nghề công chứng.

Thời gian của bài kiểm tra viết là 180 phút.

Cơ cấu bài kiểm tra viết về cơ bản gồm hai phần: Phần kiểm tra về pháp luật công chứng, chứng thực và quy tắc đạo đức hành nghề công chứng. Phần này đánh giá thí sinh thông qua các câu hỏi tự luận (đặt câu hỏi và yêu cầu phân tích hoặc nêu tình huống và đặt câu hỏi) hoặc câu hỏi trắc nghiệm. Phần kiểm tra về kỹ năng hành nghề công chứng đánh giá trình độ của thí sinh thông qua tình

huống giả định và các câu hỏi xung quanh tình huống đó.

**b) Bài kiểm tra vấn đáp**

Các câu hỏi được đặt ra nhằm yêu cầu thí sinh giải quyết một tình huống yêu cầu công chứng cụ thể. Bên cạnh đó, thí sinh có thể phải trả lời một số câu hỏi có liên quan đến tình huống hoặc về pháp luật công chứng, chứng thực, đạo đức hành nghề công chứng, kỹ năng hành nghề công chứng. Trong phần này, thí sinh sẽ không phải soạn thảo văn bản công chứng cụ thể.

**4. Cách tính điểm các bài kiểm tra để xác định người đạt yêu cầu kiểm tra tập sự**

a). Mỗi bài kiểm tra có 02 thành viên Ban Chấm thi chấm và cho điểm độc lập. Các bài kiểm tra được chấm theo thang điểm 100.

- Chấm bài kiểm tra viết và cho điểm theo đáp án.

- Chấm bài kiểm tra vấn đáp: Các câu hỏi được đặt ra nhằm yêu cầu thí sinh giải quyết một tình huống yêu cầu công chứng cụ thể; sau khi thí sinh trả lời các câu hỏi chính thì các giám khảo có thể hỏi thêm để đánh giá khả năng của thí sinh trong việc hướng dẫn, giải quyết các yêu cầu của người yêu cầu công chứng chứ không yêu cầu thí sinh soạn thảo văn bản công chứng.

b) Điểm của mỗi bài kiểm tra là trung bình cộng điểm mà hai thành viên chấm thi đã chấm.

Trong trường hợp hai thành viên chấm thi viết cho điểm chênh lệch nhau từ 20 điểm trở lên thì Trưởng Ban Chấm thi tổ chức chấm lần thứ ba vào bài kiểm tra của thí sinh; điểm chấm lần này là điểm chính thức của bài kiểm tra. Trong trường hợp hai thành viên chấm thi vấn đáp cho điểm chênh lệch nhau từ 20 điểm trở lên thì phải trao đổi trực tiếp để thống nhất về điểm dưới sự giám sát của Trưởng Ban Chấm thi; trường hợp không thống nhất được về điểm thì Trưởng Ban Chấm thi quyết định điểm thi vấn đáp chính thức.

c) Thí sinh đạt yêu cầu kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng phải có số điểm mỗi bài kiểm tra đạt từ 50 điểm trở lên.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc việc chấm điểm kiểm tra, Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm tra cho Sở Tư pháp và Hội công chứng viên (ở những nơi đã thành lập) của địa phương có người tham dự kỳ kiểm tra, đồng thời gửi kết quả kiểm tra cho Cục Bổ trợ tư pháp để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

**5. Phúc tra bài kiểm tra viết**

a) Ban Thư ký giúp Hội đồng kiểm tra tiếp nhận đơn phúc tra bài kiểm tra viết (trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết quả kiểm tra được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp) và báo cáo Hội đồng kiểm tra.

b) Chủ tịch Hội đồng kiểm tra quyết định thành lập Ban Phúc tra trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày hết hạn nhận đơn phúc tra. Ban Phúc tra gồm Trưởng ban và 02 thành viên. Các thành viên trong Ban Chấm thi không được là thành viên của Ban Phúc tra.

c) Cách thức chấm phúc tra được áp dụng theo quy định tại Điều 24 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP. Việc chấm phúc tra do Ban Phúc tra thực hiện. Kết quả phúc tra phải được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra phê duyệt và là kết quả cuối cùng. Hội đồng kiểm tra thông báo kết quả phúc tra cho người có đơn phúc tra.

## **6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

a) Ban Thư ký giúp Hội đồng kiểm tra tiếp nhận đơn khiếu nại của người tham dự kiểm tra theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 32 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP và báo cáo Hội đồng kiểm tra.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra có trách nhiệm giải quyết khiếu nại trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại.

Trong trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản này mà không được giải quyết khiếu nại hoặc không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Hội đồng kiểm tra hoặc Hội đồng kiểm tra đã giải thể thì người tham dự kiểm tra có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Thời hạn giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là 30 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại. Quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng Bộ Tư pháp là quyết định cuối cùng.

b) Cá nhân, tổ chức có quyền tố cáo với Hội đồng kiểm tra về các hành vi vi phạm quy định của Luật công chứng và Thông tư số 04/2015/TT-BTP về việc kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng. Việc giải quyết tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Thành lập các Ban của Hội đồng kiểm tra**

Giúp việc cho Hội đồng kiểm tra có Ban Thư ký, Ban Đề thi, Ban Coi thi, Ban Phách, Ban Chấm thi và Ban Phúc tra. Mỗi Ban gồm Trưởng Ban và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng kiểm tra ra quyết định thành lập. Thành phần cụ thể của các Ban như sau:

#### **a) Ban Thư ký**

Ban Thư ký có 09 người, do 01 Thành viên Hội đồng kiểm tra làm Trưởng ban, một số chuyên viên Cục Bổ trợ tư pháp, Thanh tra Bộ và Văn phòng Bộ là thành viên.

#### **b) Ban Đề thi**

Ban Đề thi gồm Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra làm Trưởng Ban và một số công chứng viên là thành viên.



c) Ban Còi thi

Ban Còi thi do 01 thành viên Hội đồng kiểm tra làm Trưởng Ban, một số chuyên viên Cục Bỏ trợ tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ và Học viện tư pháp và một số công chứng viên là thành viên.

d) Ban Phách

Ban Phách do Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra làm Trưởng Ban và một số chuyên viên Cục Bỏ trợ tư pháp, Thanh tra Bộ, Vụ Tổ chức cán bộ là thành viên.

đ) Ban Chấm thi

Ban Chấm thi do 01 thành viên Hội đồng kiểm tra làm Trưởng ban, một số công chứng viên và giảng viên của Học viện tư pháp là thành viên.

e) Ban Phúc tra

Sẽ được thành lập nếu có yêu cầu phúc tra; các thành viên Ban Chấm thi không được tham gia Ban Phúc tra.

*(Số lượng danh sách cụ thể của Ban Đề thi, Ban Còi thi, Ban Phách và Ban Chấm thi phụ thuộc vào số lượng thí sinh tham dự kỳ kiểm tra. Nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc của các Ban của Hội đồng kiểm tra sẽ được ban hành cùng với Quyết định thành lập các Ban này).*

## **2. Kế hoạch làm việc của Hội đồng kiểm tra**

**2.1. Họp Hội đồng kiểm tra lần thứ nhất (ngày 17/4/2017) thông qua các nội dung sau đây:**

- Kế hoạch tổ chức kiểm tra.
- Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự kiểm tra, Danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham dự kiểm tra và Danh sách thí sinh phải bổ sung hồ sơ đăng ký tham dự kiểm tra (nếu có).
- Số lượng, thành phần các Ban của Hội đồng kiểm tra.
- Nội quy kỳ kiểm tra.
- Dự kiến phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Hội đồng kiểm tra.

**2.2. Họp Hội đồng kiểm tra lần thứ hai (ngày 18 hoặc 19/5/2017) để thực hiện các công việc sau đây:**

- Xem xét toàn bộ các công việc đã thực hiện để tổ chức kỳ kiểm tra.
- Triển khai công tác kiểm tra, bao gồm:
  - + Tổ chức khai mạc kỳ kiểm tra và quán triệt quy chế, nội quy kỳ kiểm tra cho thí sinh tham dự kiểm tra và các Ban của Hội đồng kiểm tra;

+ Tổ chức cho các thí sinh làm bài kiểm tra viết và kiểm tra vấn đáp.

**2.3. Tổ chức chấm kiểm tra viết (tháng 6/2017)** – Phó Chủ tịch Hội đồng kiểm tra giúp Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo Ban Chấm thi tổ chức chấm bài kiểm tra viết.

**2.4. Hợp Hội đồng kiểm tra lần thứ ba (sau khi hoàn thành việc chấm bài kiểm tra viết) để thực hiện các công việc sau đây:**

- Thông qua kết quả kiểm tra và quyết định việc thông báo điểm kiểm tra theo điểm 4.d phần II của Kế hoạch này.

- Đánh giá kết quả tổ chức kỳ kiểm tra, những kết quả đạt được và những vấn đề cần lưu ý, rút kinh nghiệm (nếu có).

**2.5. Tổ chức phúc tra bài kiểm tra viết (nếu có đề nghị phúc tra).**

**2.6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có).**

### **3. Tổ chức kiểm tra**

a) Ngày thứ nhất (chiều Thứ 6, ngày 19/5/2017): Tổ chức khai mạc kỳ kiểm tra.

- Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng kiểm tra, thành viên các Ban của Hội đồng kiểm tra và tất cả thí sinh tham dự kiểm tra.

- Nội dung:

+ Quán triệt nội quy kỳ kiểm tra cho các thí sinh tham dự kiểm tra.

+ Quán triệt nội quy kỳ kiểm tra, quy chế làm việc cho thành viên các Ban của Hội đồng kiểm tra và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

b) Ngày thứ hai (Thứ 7, ngày 20/5/2017):

- Buổi sáng:

+ Tổ chức bốc thăm giám thị kiểm tra viết.

+ Kiểm tra bài viết (180 phút).

- Buổi chiều:

+ Bốc thăm giám khảo kiểm tra vấn đáp.

+ Kiểm tra bài vấn đáp.

c) Ngày thứ ba (Chủ nhật, ngày 21/5/2017): Tiếp tục kiểm tra vấn đáp với các thí sinh còn lại.

### **4. Kinh phí tổ chức kỳ kiểm tra**

Kinh phí cho việc tổ chức kỳ kiểm tra được trích từ phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng do người đăng ký tham dự kiểm tra nộp theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng

Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí công chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên.

Cục Hỗ trợ tư pháp có trách nhiệm dự toán ngân sách cho kỳ kiểm tra và quyết toán theo quy định./.



**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA**



**BỘ TƯ PHÁP**  
**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ**  
**TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG**  
**CHỨNG LẦN THỨ HAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM DỰ KIỂM TRA KẾT QUẢ**  
**TẬP SỰ HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG LẦN THỨ HAI**

*(Kèm theo Công văn số 1330/BTP-HĐKT ngày 20 tháng 4 năm 2017  
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng lần thứ hai)*

| Tên, địa<br>phương | STT | Họ              | Tên   | Giới tính  |            | Đã nộp<br>phí | Ghi chú |
|--------------------|-----|-----------------|-------|------------|------------|---------------|---------|
|                    |     |                 |       | Nam        | Nữ         |               |         |
| An<br>Giang        | 1.  | Huỳnh Đức       | Thiện | 11/10/1962 |            | x             |         |
|                    | 2.  | Nguyễn Thượng   | Sao   | 03/7/1960  |            | x             |         |
|                    | 3.  | Nguyễn Hoàng    | Hiệp  | 10/10/1957 |            | x             |         |
|                    | 4.  | Lê Huyền        | Em    |            | 11/11/1978 | x             |         |
|                    | 5.  | Huỳnh Minh      | Hoàng | 19/8/1967  |            | x             |         |
|                    | 6.  | Châu Minh       | Quang |            | 31/12/1977 | x             |         |
| Bạc<br>Liêu        | 7.  | Nguyễn Thị Trúc | Linh  |            | 10/10/1992 | x             |         |
|                    | 8.  | Nguyễn Phước    | Phong | 23/7/1988  |            | x             |         |
|                    | 9.  | Huỳnh           | Gia   | 17/5/1982  |            | x             |         |
|                    | 10. | Lâm Văn         | Tuấn  | 02/3/1980  |            | x             |         |
|                    | 11. | Võ Minh         | Lương | 28/8/1956  |            | x             |         |

VLA

|                                  |     |                 |        |            |            |   |  |
|----------------------------------|-----|-----------------|--------|------------|------------|---|--|
| <b>Bà Rịa<br/>– Vũng<br/>Tàu</b> | 12. | Nguyễn Văn      | Đức    | 01/05/1978 |            | x |  |
|                                  | 13. | Văn Thị Ngọc    | Phượng |            | 13/5/1979  | x |  |
|                                  | 14. | Dương Văn       | Hoàng  | 20/3/1985  |            | x |  |
|                                  | 15. | Nguyễn Thị Kim  | Thúy   |            | 23/12/1966 | x |  |
|                                  | 16. | Hoàng Trung     | Thành  | 08/4/1988  |            | x |  |
|                                  | 17. | Ngô Văn         | Tiến   | 24/9/1979  |            | x |  |
|                                  | 18. | Bùi Thị Thanh   | Hải    |            | 11/10/1984 | x |  |
|                                  | 19. | Trần Văn        | Thực   | 1976       |            | x |  |
|                                  | 20. | Trần Quốc       | Tuấn   | 06/7/1984  |            | x |  |
| <b>Bắc<br/>Giang</b>             | 21. | Vũ Thị          | Thương |            | 04/4/1985  | x |  |
|                                  | 22. | Vương Thu       | Huyền  |            | 18/10/1987 | x |  |
| <b>Bắc<br/>Kạn</b>               | 23. | Nguyễn Thị Hồng | Diệp   |            | 04/01/1983 | x |  |
|                                  | 24. | Triệu Đức       | Hoạt   | 20/7/1979  |            | x |  |
| <b>Bắc<br/>Ninh</b>              | 25. | Nguyễn Huy      | Hoàng  | 21/12/1984 |            | x |  |
|                                  | 26. | Phạm Thúy       | Mai    |            | 24/11/1987 | x |  |

*Handwritten signature*

|                       |     |                    |       |            |            |   |  |
|-----------------------|-----|--------------------|-------|------------|------------|---|--|
|                       | 27. | Vũ Thị             | Hiên  |            | 05/05/1988 | x |  |
|                       | 28. | Ngô Thị            | Mai   |            | 04/9/1991  | x |  |
|                       | 29. | Nguyễn Thạc        | Vinh  | 07/7/1987  |            | x |  |
|                       | 30. | Đỗ Thị             | Minh  |            | 10/10/1987 | x |  |
|                       | 31. | Nguyễn Thị         | Liên  |            | 08/4/1987  | x |  |
|                       | 32. | Trần Thị           | Hồng  |            | 09/03/1990 | x |  |
|                       | 33. | Nguyễn Tùng        | Giang | 03/11/1970 |            |   |  |
|                       | 34. | Nguyễn Bá          | San   | 08/02/1955 |            | x |  |
| <b>Eến<br/>Tre</b>    | 35. | Nguyễn Nữ<br>Hoàng | Oanh  |            | 19/10/1990 | x |  |
|                       | 36. | Huỳnh Đoàn<br>Ngọc | Hân   |            | 12/01/1985 | x |  |
|                       | 37. | Vũ Hữu             | Thứ   | 01/02/1982 |            | x |  |
| <b>Bình<br/>Định</b>  | 38. | Lưu Thị            | Thuần |            | 17/2/1990  |   |  |
| <b>Bình<br/>Dương</b> | 39. | Đào Quốc           | Việt  | 07/6/1978  |            | x |  |
|                       | 40. | Nguyễn Đức         | Thanh | 19/6/1977  |            | x |  |
|                       | 41. | Trần Thị Bích      | Trà   |            | 21/10/1977 | x |  |
|                       | 42. | Vũ Thị Hồng        | Thúy  |            | 13/9/1989  | x |  |

*VLS*

|                       |     |                     |        |            |            |   |  |
|-----------------------|-----|---------------------|--------|------------|------------|---|--|
|                       | 43. | Đỗ Thị Quỳnh        | Trang  |            | 21/9/1981  | x |  |
|                       | 44. | Trần Thị Thanh      | Mai    |            | 25/6/1976  | x |  |
|                       | 45. | Nguyễn Phú          | Quốc   | 24/4/1984  |            | x |  |
|                       | 46. | Lê Thị Thu          | Ba     |            | 15/2/1978  | x |  |
|                       | 47. | Hoàng Thị Thu       | Phương |            | 03/10/1990 | x |  |
|                       | 48. | Nguyễn Thế          | Tạo    | 13/5/1963  |            | x |  |
|                       | 49. | Trần Thị            | Quỳnh  |            | 08/10/1992 | x |  |
|                       | 50. | Hồ Thị Kim          | Tuyến  |            | 21/3/1985  | x |  |
|                       | 51. | Nguyễn Văn          | Phong  | 15/10/1983 |            | x |  |
|                       | 52. | Nguyễn Thị Thúy     | Hồng   |            | 19/6/1981  | x |  |
|                       | 53. | Huỳnh Hải           | Yến    |            | 10/9/1985  | x |  |
| <b>Bình<br/>Phước</b> | 54. | Nguyễn Đức          | Hoàng  | 24/5/1968  |            | x |  |
|                       | 55. | Lê Hồng             | Phong  | 31/5/1968  |            | x |  |
|                       | 56. | Hà Văn              | Đức    | 23/6/1978  |            | x |  |
|                       | 57. | Nguyễn Thị<br>Thanh | Nhân   |            | 13/02/1992 | x |  |
|                       | 58. | Trần Thị            | Thanh  |            | 23/11/1987 | x |  |
|                       | 59. | Ngô Thị             | Ngọt   |            | 04/6/1987  | x |  |

XU



|                   |     |                  |       |            |            |   |  |
|-------------------|-----|------------------|-------|------------|------------|---|--|
| <b>Bình Thuận</b> | 60. | Nguyễn Anh       | Phúc  | 25/6/1978  |            | x |  |
|                   | 61. | Lê Thị           | Liên  |            | 10/05/1987 | x |  |
|                   | 62. | Nguyễn Trọng     | Bảo   | 24/5/1984  |            | x |  |
|                   | 63. | Nguyễn Thị Kim   | Lan   |            | 01/01/1978 | x |  |
|                   | 64. | Trương Văn       | Cương | 01/10/1977 |            | x |  |
|                   | 65. | Nguyễn Thanh     | Tùng  | 12/8/1984  |            | x |  |
|                   | 66. | Hà Văn           | Hải   | 04/11/1976 |            | x |  |
|                   | 67. | Vũ Văn           | Thiết | 08/8/1960  |            | x |  |
|                   | 68. | Nguyễn Thị Thùy  | Trang |            | 11/9/1986  | x |  |
|                   | 69. | Lê Minh          | Châu  |            | 09/5/1960  | x |  |
|                   | 70. | Trương Thị Hoàng | My    |            | 16/7/1985  | x |  |
|                   | 71. | Nguyễn Thanh     | Hiệp  | 27/10/1975 |            | x |  |
|                   | 72. | Huỳnh Lê         | Hoàng |            | 26/8/1977  | x |  |
| <b>Cà Mau</b>     | 73. | Cao Thị Kiều     | Diễm  |            | 19/8/1984  | x |  |
|                   | 74. | Trần Thị Mai     | Hương |            | 03/6/1975  | x |  |
| <b>Cần Thơ</b>    | 75. | Nguyễn Thị Hồng  | Thủy  |            | 09/4/1990  | x |  |

XUY

|                    |     |                      |        |            |            |   |  |
|--------------------|-----|----------------------|--------|------------|------------|---|--|
|                    | 76. | Lưu Ngọc             | Bảo    |            | 22/10/1986 | x |  |
|                    | 77. | Cao Việt             | Phương | 10/02/1987 |            | x |  |
|                    | 78. | Nguyễn Trường<br>Huy | Bảo    | 21/11/2016 |            | x |  |
|                    | 79. | Nguyễn Hoàng<br>Cầm  | Thị    |            | 24/5/1984  | x |  |
|                    | 80. | Nguyễn Văn           | Tính   | 10/10/1972 |            | x |  |
|                    | 81. | Đào Thị Thúy         | Huỳnh  |            | 15/11/1988 |   |  |
|                    | 82. | Tô Hoài              | Thanh  |            | 08/10/1985 | x |  |
|                    | 83. | Huỳnh Thị Thúy       | Kiều   |            | 29/11/1988 | x |  |
|                    | 84. | Ngô Công Quốc        | Thái   |            | 01/7/1983  | x |  |
|                    | 85. | Lê Phát              | Thanh  | 20/9/1958  |            | x |  |
|                    | 86. | Triệu Tấn            | Thọ    | 23/9/1990  |            | x |  |
|                    | 87. | Huỳnh Thị Thanh      | Chi    |            | 20/11/1968 | x |  |
|                    | 88. | Võ Thị Hồng          | Yến    |            | 30/4/1984  |   |  |
| <b>Đà<br/>Nẵng</b> | 89. | Nguyễn Văn           | Tư     | 15/5/1984  |            | x |  |
|                    | 90. | Phạm Thị Kim         | Thảo   |            | 16/11/1985 |   |  |
|                    | 91. | Đặng Thị             | Thanh  |            | 15/12/1975 |   |  |
|                    | 92. | Từ Thị Mỹ            | Trinh  |            | 01/12/1982 | x |  |

XLSX

|                      |      |                      |        |            |            |   |  |
|----------------------|------|----------------------|--------|------------|------------|---|--|
|                      | 93.  | Vũ Thị               | Duyên  |            | 15/6/1963  | x |  |
| <b>Đắk<br/>Lắk</b>   | 94.  | Đàm Mạnh             | Hà     | 30/02/1980 |            | x |  |
|                      | 95.  | Nguyễn Như           | Cầu    | 14/12/1954 |            | x |  |
|                      | 96.  | Lê Thị               | Hoa    |            | 07/8/1975  | x |  |
| <b>Đắk<br/>Nông</b>  | 97.  | Lê Thị               | Thủy   |            | 12/10/1978 |   |  |
| <b>Điện<br/>Biên</b> | 98.  | Nguyễn Việt          | Tùng   | 20/3/1979  |            | x |  |
|                      | 99.  | Trần Đình            | Cường  | 19/5/1969  |            | x |  |
|                      | 100. | Trần Thành           | Đạt    | 01/8/1987  |            | x |  |
| <b>Đồng<br/>Nai</b>  | 101. | Trần Thị Thu         | Thủy   |            | 27/4/1971  | x |  |
|                      | 102. | Nguyễn Triệu         | Quang  | 29/10/1961 |            |   |  |
|                      | 103. | Phan Kim             | Loan   |            | 11/01/1977 | x |  |
|                      | 104. | Phạm                 | Sang / | 03/4/1987  |            | x |  |
|                      | 105. | Nguyễn Thanh         | Vân /  | 20/7/1967  |            | x |  |
|                      | 106. | Đoàn Thị Ngọc        | Hiền / |            | 20/8/1975  | x |  |
|                      | 107. | Nguyễn Hoàng<br>Tiên | Khải / |            | 16/02/1981 |   |  |

*Handwritten signature*

|                  |      |                 |       |            |            |   |  |
|------------------|------|-----------------|-------|------------|------------|---|--|
|                  | 108. | Nguyễn Thị Mai  | Sao   |            | 02/3/1989  | x |  |
|                  | 109. | Huỳnh Thị Bích  | Thủy  |            | 10/5/1980  | x |  |
|                  | 110. | Võ Thanh        | Bình  | 07/7/1980  |            | x |  |
|                  | 111. | Nguyễn Trọng    | Luận  | 18/9/1963  |            | x |  |
|                  | 112. | Ngô             | Minh  | 09/12/1961 |            | x |  |
|                  | 113. | Nguyễn Tân      | Yên   | 01/01/1969 |            | x |  |
|                  | 114. | Lâm Thanh       | Nghị  | 18/01/1984 |            | x |  |
|                  | 115. | Nguyễn Quốc     | Huy   | 28/4/1984  |            | x |  |
|                  | 116. | Nguyễn Anh      | Tú    | 14/12/1985 |            | x |  |
|                  | 117. | Trương Xuân     | Lam   | 16/8/1979  |            | x |  |
|                  | 118. | Trần Văn        | Thanh | 12/7/1957  |            | x |  |
|                  | 119. | Đoàn Thị        | Nga   |            | 12/01/1989 | x |  |
| <b>Đồng Tháp</b> | 120. | Nguyễn Hoàng    | Minh  | 17/12/1954 |            |   |  |
| <b>Gia Lai</b>   | 121. | Nguyễn Thị Ngọc | Thanh |            | 18/9/1991  | x |  |
|                  | 122. | Võ Thị Thu      | Thảo  |            | 20/10/1977 | x |  |
|                  | 123. | Đỗ Thị          | Hải   |            | 12/02/1986 | x |  |
|                  | 124. | Lý Kim          | Thoa  |            | 14/11/1962 | x |  |

*Handwritten signature*

|                      |      |                 |       |            |            |   |  |
|----------------------|------|-----------------|-------|------------|------------|---|--|
|                      | 125. | Dương Thanh     | Hùng  | 26/4/1969  |            | x |  |
|                      | 126. | Lương Văn       | Kiên  | 20/01/1956 |            | x |  |
| <b>Hà<br/>Giang</b>  | 127. | Lê Thu          | Huyền |            | 03/4/1974  | x |  |
|                      | 128. | Nguyễn Thị Minh | Thu   |            | 18/5/1980  | x |  |
|                      | 129. | Trần Thị        | Nhàn  |            | 16/7/1989  | x |  |
|                      | 130. | Mã Hải          | Nhân  | 05/6/1955  |            | x |  |
|                      | 131. | Nguyễn Thị      | Niên  |            | 07/8/1961  |   |  |
| <b>Hà<br/>Nam</b>    | 132. | Dương Anh       | Dũng  | 22/5/1980  |            | x |  |
|                      | 133. | Trần Thị        | Hiền  |            | 10/6/1981  | x |  |
|                      | 134. | Nguyễn Duy      | Thanh | 04/4/1987  |            | x |  |
| <b>Hà<br/>Tĩnh</b>   | 135. | Trần Thị Trà    | Giang |            | 20/8/1985  | x |  |
|                      | 136. | Nguyễn Duy      | Sỹ    | 10/5/1089  |            | x |  |
| <b>Hải<br/>Dương</b> | 137. | Nguyễn          | Thắng | 24/9/1986  |            | x |  |
|                      | 138. | Ngô Thị Kim     | Anh   |            | 01/7/1959  | x |  |
|                      | 139. | Trần Bá         | Tuấn  | 02/8/1991  |            | x |  |
|                      | 140. | Nguyễn Thị Cẩm  | Nhung |            | 13/10/1990 | x |  |

|                      |      |                 |       |            |            |   |  |
|----------------------|------|-----------------|-------|------------|------------|---|--|
|                      | 141. | Cao Văn         | Tùng  | 23/4/1990  |            | x |  |
|                      | 142. | Lê Anh          | Thắng | 19/7/1976  |            | x |  |
|                      | 143. | Đình Thọ        | Hiệp  | 10/10/1979 |            | x |  |
|                      | 144. | Nguyễn Thị      | Nhi   |            | 17/7/1988  | x |  |
|                      | 145. | Nguyễn Thị      | Thoa  |            | 17/8/1985  | x |  |
|                      | 146. | Lê Thị          | Thái  |            | 20/11/1989 | x |  |
| <b>Hải<br/>Phòng</b> | 147. | Vũ Văn          | Đoàn  | 01/01/1960 |            |   |  |
|                      | 148. | Nguyễn Thị      | Hiền  |            | 01/01/1978 |   |  |
|                      | 149. | Đào Đức         | Tân   | 23/01/1974 |            |   |  |
|                      | 150. | Nguyễn Thị      | Hạnh  |            | 12/12/1979 |   |  |
|                      | 151. | Nguyễn Đức      | Long  | 24/5/1976  |            |   |  |
|                      | 152. | Lê Văn          | Mạnh  | 01/10/1960 |            |   |  |
|                      | 153. | Nguyễn Tuấn     | Ngọc  | 24/4/1980  |            |   |  |
|                      | 154. | Hoàng Thị Huyền | Trang |            | 28/10/1985 |   |  |
| <b>Hậu<br/>Giang</b> | 155. | Đặng Văn        | Quý   | 28/12/1986 |            | x |  |
|                      | 156. | Võ Văn          | Khánh | 1986       |            | x |  |

*Xếp*

|                      |      |                 |        |            |            |   |  |
|----------------------|------|-----------------|--------|------------|------------|---|--|
|                      | 157. | Trương Thanh    | Hậu    | 1980       |            | x |  |
|                      | 158. | Tăng Hồng       | Phúc   | 31/5/1958  |            | x |  |
| <b>Hưng<br/>Yên</b>  | 159. | Nguyễn Thị Bích | Điền   |            | 15/9/1960  | x |  |
|                      | 160. | Nguyễn Phúc     | Tuy    | 19/6/1955  |            | x |  |
| <b>Khánh<br/>Hòa</b> | 161. | Nguyễn Tấn      | Tài    | 25/02/1974 |            | x |  |
|                      | 162. | Lê Quang        | Bắc    | 05/12/1977 |            | x |  |
|                      | 163. | Trần Khánh      | Bình   | 19/02/1986 |            | x |  |
|                      | 164. | Lê Tấn          | Trung  | 04/4/1980  |            | x |  |
|                      | 165. | Phạm Văn        | Thông  | 20/01/1958 |            | x |  |
|                      | 166. | Nguyễn Thị Kim  | Xuân   |            | 20/9/1975  | x |  |
|                      | 167. | Trần Lâm        | Sắt    | 02/05/1964 |            |   |  |
|                      | 168. | Đỗ Hữu          | Trí    | 06/01/1961 |            | x |  |
|                      | 169. | Lê Thị          | Truyền |            | 28/11/1989 | x |  |
|                      | 170. | Võ Thị Mỹ       | Nam    |            | 11/11/1975 | x |  |
|                      | 171. | Cao Thị Hương   | Thu    |            | 19/11/1975 | x |  |
|                      | 172. | Trần Mai Bảo    | Ngọc   |            | 04/4/1985  | x |  |

*Handwritten signature*

|                       |      |               |       |            |            |   |  |
|-----------------------|------|---------------|-------|------------|------------|---|--|
|                       | 173. | Đinh Thị Ngọc | Ngân  |            | 22/01/1984 | x |  |
|                       | 174. | Bùi Quốc      | Hoàn  | 19/3/1970  |            | x |  |
|                       | 175. | Cao Ngọc      | Mậu   | 23/5/1986  |            | x |  |
|                       | 176. | Lê Thị        | Toàn  |            | 15/10/1960 | x |  |
| <b>Kiên<br/>Giang</b> | 177. | Trương Hồng   | Sương |            | 14/5/1961  | x |  |
|                       | 178. | Huỳnh Duy     | Phong | 07/7/1988  |            | x |  |
|                       | 179. | Phan Ngọc     | Lợi   | 08/7/1955  |            | x |  |
|                       | 180. | Nguyễn Thanh  | Tâm   | 07/12/1959 |            | x |  |
|                       | 181. | Bùi Đức       | Thiện |            | 27/3/1987  | x |  |
|                       | 182. | Lâm Thị Cẩm   | Đang  |            | 12/3/1988  | x |  |
|                       | 183. | Bùi Hữu       | Hạnh  | 19/01/1954 |            | x |  |
|                       | 184. | Lâm Sóc       | Khay  | 13/10/1978 |            | x |  |
|                       | 185. | Đỗ Thị        | Hồng  |            | 20/10/1963 | x |  |
| <b>Kon<br/>Tum</b>    | 186. | Huỳnh Thị Mai | Xuân  |            | 04/5/1981  |   |  |
|                       | 187. | Trần Đức      | Thành | 01/01/1973 |            | x |  |
|                       | 188. | Phan Thị      | Nga   |            | 15/01/1982 | x |  |

*Handwritten signature*



|                     |      |                 |       |            |            |   |  |
|---------------------|------|-----------------|-------|------------|------------|---|--|
|                     | 189. | Võ Thị          | Chi   |            | 15/9/1991  | x |  |
| <b>Lạng<br/>Sơn</b> | 190. | Trương Hải      | Nam   | 22/10/1987 |            |   |  |
| <b>Lào<br/>Cai</b>  | 191. | Đoàn Thùy       | Linh  |            | 16/3/1988  | x |  |
| <b>Lâm<br/>Đồng</b> | 192. | Hồ Lê Ngọc      | Thảo  |            | 26/4/1988  |   |  |
|                     | 193. | Lê Thị Hồng     | Loan  |            | 10/8/1989  |   |  |
|                     | 194. | Nguyễn Thị Minh | Trâm  |            | 26/3/1985  | x |  |
|                     | 195. | Lê Hoài         | Thanh |            | 20/11/1983 |   |  |
|                     | 196. | Bùi Hữu Quang   | Luận  | 24/6/1990  |            |   |  |
|                     | 197. | Huỳnh Trọng     | Nghĩa | 17/5/1982  |            | x |  |
|                     | 198. | K'              | Thảo  | 10/5/1989  |            | x |  |
|                     | 199. | Lê Văn          | Ka    | 17/7/1990  |            |   |  |
|                     | 200. | Đoàn Thanh      | Tuấn  | 20/4/1989  |            |   |  |
|                     | 201. | Phạm Thị Bích   | Hương |            | 10/7/1982  | x |  |
|                     | 202. | Trần Công       | Đoàn  | 10/5/1986  |            |   |  |
|                     | 203. | Nguyễn Xuân     | Lợi   | 29/5/1973  |            |   |  |
|                     | 204. | Phạm Thị        | Thùy  |            | 22/7/1983  |   |  |

|                     |      |                      |        |            |            |   |  |
|---------------------|------|----------------------|--------|------------|------------|---|--|
|                     | 205. | Phan Như             | Quỳnh  |            | 04/11/1990 |   |  |
|                     | 206. | Đoàn Thị Khánh       | Tuyền  |            | 02/10/1991 |   |  |
|                     | 207. | Nguyễn Mậu           | Thanh  | 17/11/1977 |            |   |  |
| <b>Long<br/>An</b>  | 208. | Phan Mộng Hồng       | Lam    |            | 20/02/1978 |   |  |
|                     | 209. | Huỳnh Cao            | Trường | 10/11/1971 |            |   |  |
|                     | 210. | Hồ Thị Hồng          | Linh   |            | 19/11/1983 |   |  |
|                     | 211. | Nguyễn Thị Quế       | Lê     |            | 02/10/1987 |   |  |
|                     | 212. | Nguyễn Văn           | Long   | 30/10/1960 |            |   |  |
|                     | 213. | Nguyễn Thị Thúy      | Hồng   |            | 1967       |   |  |
| <b>Nam<br/>Định</b> | 214. | Vũ Thị Thu           | Hằng   |            | 17/10/1960 | x |  |
|                     | 215. | Giang Thị            | Thắm   |            | 12/10/1990 | x |  |
|                     | 216. | Đào Thị              | Nguyệt |            | 10/02/1960 | x |  |
|                     | 217. | Đặng Thị             | Hương  |            | 01/6/1960  | x |  |
|                     | 218. | Trần Minh            | Phương |            | 20/11/1992 | x |  |
| <b>Nghe<br/>An</b>  | 219. | Nguyễn Thị Diệu      | Linh   |            | 25/10/1989 | x |  |
|                     | 220. | Nguyễn Thị<br>Phương | Liên   |            | 05/11/1988 | x |  |

|                   |      |                |       |            |            |   |  |
|-------------------|------|----------------|-------|------------|------------|---|--|
|                   | 221. | Hoàng Văn      | Chung | 20/11/1981 |            | x |  |
|                   | 222. | Lang Thị       | Ly    |            | 10/8/1991  | x |  |
|                   | 223. | Đặng Trung     | Thành | 05/3/1983  |            | x |  |
|                   | 224. | Trần Thị       | Huế   |            | 19/8/1989  | x |  |
|                   | 225. | Lê Văn         | Tuấn  | 16/7/1986  |            | x |  |
|                   | 226. | Luyện Thị      | Thanh |            | 05/4/1990  | x |  |
|                   | 227. | Trần Thị Thanh | Huyền |            | 21/7/1991  | x |  |
|                   | 228. | Nguyễn Tiến    | Dũng  | 14/11/1976 |            | x |  |
|                   | 229. | Nguyễn Thị     | Nhung |            | 22/02/1992 | x |  |
|                   | 230. | Nguyễn Anh     | Dũng  | 11/11/1986 |            | x |  |
|                   | 231. | Nguyễn Duy     | Thanh | 16/9/1981  |            | x |  |
|                   | 232. | Nguyễn Thị     | Mùi   |            | 29/9/1991  | x |  |
|                   | 233. | Nguyễn Thị     | Hòa   |            | 20/12/1960 | x |  |
|                   | 234. | Trần Thị       | Lan   |            | 26/3/1960  | x |  |
|                   | 235. | Nguyễn Đình    | Thế   | 30/12/1958 |            | x |  |
|                   | 236. | Nguyễn Thu     | Trang |            | 05/6/1988  | x |  |
| <b>Ninh Thuận</b> | 237. | Trần Thị Minh  | Nghị  |            | 12/4/1961  | x |  |

*Handwritten signature*

|                   |      |                |       |            |            |   |  |
|-------------------|------|----------------|-------|------------|------------|---|--|
|                   | 238. | Trần Thị Kim   | Son   |            | 03/9/1961  | x |  |
|                   | 239. | Nguyễn Mậu     | Thắng | 10/9/1985  |            |   |  |
|                   | 240. | Phạm Cẩm       | Tiên  |            | 10/10/1991 |   |  |
| <b>Phú Thọ</b>    | 241. | Nguyễn Thị Thu | Huyền |            | 14/3/1987  | x |  |
|                   | 242. | Trần Thị       | Như   |            | 01/09/1960 | x |  |
|                   | 243. | Nguyễn Xuân    | Tùng  | 26/4/1982  |            | x |  |
| <b>Quảng Nam</b>  | 244. | Trần Tuấn      | Côi   | 10/8/1960  |            | x |  |
|                   | 245. | Bùi Thị Phương | Chính |            | 21/9/1980  | x |  |
|                   | 246. | Nguyễn Bảo     | Trang |            | 20/6/1990  | x |  |
|                   | 247. | Hoàng Thị Thúy | Liễu  |            | 19/5/1989  | x |  |
|                   | 248. | Nguyễn Thị     | Hường |            | 02/02/1962 | x |  |
|                   | 249. | Trần Hậu       | Khánh | 30/4/1957  |            | x |  |
| <b>Quảng Ngãi</b> | 250. | Trần Thị Anh   | Thy   |            | 01/8/1991  | x |  |
|                   | 251. | Phạm Quốc      | Việt  | 12/12/1982 |            | x |  |
|                   | 252. | Lê Thị Thúy    | Hằng  |            | 20/12/1979 | x |  |
| <b>Quảng Ninh</b> | 253. | Ngô Thị        | Sửu   |            | 22/02/1961 | x |  |

|                       |      |                 |        |            |            |   |  |
|-----------------------|------|-----------------|--------|------------|------------|---|--|
|                       | 254. | Nguyễn Thị Minh | Thương |            | 28/9/1988  | x |  |
|                       | 255. | Đoàn Trường     | Đại    | 14/8/1986  |            | x |  |
|                       | 256. | Trần Thị        | Luyến  |            | 15/12/1985 | x |  |
|                       | 257. | Đỗ Đức          | Dũng   | 02/4/1978  |            | x |  |
| <b>Quảng<br/>Trị</b>  | 258. | Nguyễn Thanh    | Thủy   | 13/02/1984 |            | x |  |
| <b>Sóc<br/>Trăng</b>  | 259. | Nguyễn Quang    | Nhuân  | 12/4/1962  |            | x |  |
|                       | 260. | Nguyễn Hoàng    | Son    | 11/11/1983 |            | x |  |
| <b>Tây<br/>Ninh</b>   | 261. | Trần Tất        | Duy    | 06/9/1980  |            | x |  |
|                       | 262. | Dương Kim       | Hà     |            | 01/10/1981 | x |  |
| <b>Tái<br/>Nguyên</b> | 263. | Nguyễn Thu      | Hường  |            | 20/3/1981  | x |  |
|                       | 264. | Trần Hữu        | Linh   | 14/01/1981 |            | x |  |
|                       | 265. | Nguyễn Quang    | Vinh   | 17/10/1980 |            | x |  |
|                       | 266. | Dương Khánh     | Huyền  |            | 20/2/1982  | x |  |
|                       | 267. | Dương Quang     | Hợp    | 31/3/1956  |            | x |  |
|                       | 268. | Phạm Trung      | Thành  | 20/11/1984 |            | x |  |
|                       | 269. | Mai Văn         | Thành  | 20/11/1986 |            | x |  |

|                       |      |                |        |            |            |   |  |
|-----------------------|------|----------------|--------|------------|------------|---|--|
| <b>Thanh<br/>Hóa</b>  | 270. | Lê Thị Kim     | Thanh  |            | 17/6/1981  | x |  |
|                       | 271. | Trịnh Thu      | Trang  |            | 28/6/1990  | x |  |
|                       | 272. | Nguyễn Thị Thu | Hiền   |            | 30/10/1986 | x |  |
|                       | 273. | Trần Đình      | Nam    | 25/12/1959 |            | x |  |
|                       | 274. | Hà Thị         | Thân   |            | 06/12/1980 | x |  |
|                       | 275. | Mai Trọng      | Cường  | 01/5/1989  |            | x |  |
|                       | 276. | Bùi Văn        | Trường | 04/8/1985  |            | x |  |
|                       | 277. | Trịnh Thúy     | Hằng   |            | 06/02/1990 | x |  |
|                       | 278. | Nguyễn Bá      | Đức    | 10/10/1979 |            | x |  |
|                       | 279. | Vũ Thị         | Thúy   |            | 30/4/1989  | x |  |
|                       | 280. | Viên Ngọc      | Thanh  | 23/9/1982  |            | x |  |
|                       | 281. | Nguyễn Hoàng   | Nam    | 10/7/1985  |            |   |  |
|                       | 282. | Vũ Thị         | Năm    |            | 15/9/1990  | x |  |
| <b>Tiền<br/>Giang</b> | 283. | Nguyễn Minh    | Tấn    | 30/10/1986 |            | x |  |
|                       | 284. | Nguyễn Văn     | Thích  | 20/4/1983  |            | x |  |
|                       | 285. | Nguyễn Hoàng   | Hà     | 12/10/1983 |            | x |  |

*Handwritten signature*

|                                |      |                 |        |            |            |   |  |
|--------------------------------|------|-----------------|--------|------------|------------|---|--|
|                                | 286. | Huỳnh Phước     | Bảo    | 02/4/1989  |            | x |  |
|                                | 287. | Nguyễn Văn      | Nhút   | 14/3/1986  |            | x |  |
|                                | 288. | Trần Thị Huyền  | Trang  |            | 20/12/1984 | x |  |
|                                | 289. | Lê Văn          | Thịnh  | 02/01/1984 |            | x |  |
| <b>Trà<br/>Vinh</b>            | 290. | Phùng Văn       | Vện    |            | 1984       | x |  |
| <b>Tuyên<br/>Quang</b>         | 291. | Nguyễn Thị Thu  | Hiền   |            | 20/8/1974  |   |  |
| <b>Tp. Hồ<br/>Chí<br/>Minh</b> | 292. | Nguyễn Thị Thu  | Phương |            | 29/3/1988  | x |  |
|                                | 293. | Nguyễn Lê Bảo   | Khanh  |            | 06/11/1981 | x |  |
|                                | 294. | Trương Thị Minh | Tuyết  |            | 23/5/1980  | x |  |
|                                | 295. | Nguyễn Lê       | Nghĩa  | 20/12/1981 |            | x |  |
|                                | 296. | Hoàng Trọng     | Cường  | 25/4/1971  |            | x |  |
|                                | 297. | Trần Tuấn       | Thắng  | 15/5/1989  |            | x |  |
|                                | 298. | Nguyễn Thu      | Oanh   |            | 18/3/1988  | x |  |
|                                | 299. | Nguyễn Thị      | Loan   |            | 10/9/1982  | x |  |
|                                | 300. | Hồ Bích         | Ngân   |            | 10/6/1983  | x |  |
|                                | 301. | Nguyễn Quang    | Trung  | 06/12/1979 |            | x |  |

|  |      |                  |       |            |            |   |  |
|--|------|------------------|-------|------------|------------|---|--|
|  | 302. | Nguyễn Thị       | Giàu  |            | 24/8/1973  | x |  |
|  | 303. | Đoàn Quý         | Từ    | 18/10/1981 |            | x |  |
|  | 304. | Đoàn Phương      | Khanh |            | 22/5/1991  | x |  |
|  | 305. | Đỗ Xuân          | Thy   | 15/6/1975  |            | x |  |
|  | 306. | Triệu Thị Thanh  | Xuân  |            | 19/9/1972  | x |  |
|  | 307. | Nguyễn Thanh     | Ngọ   | 15/11/1954 |            | x |  |
|  | 308. | Sơn Ngọc         | Nhiều | 01/02/1988 |            | x |  |
|  | 309. | Phùng Minh       | Thúy  |            | 09/3/1981  | x |  |
|  | 310. | Trần Văn         | Tuân  | 02/7/1962  |            |   |  |
|  | 311. | Nguyễn Thị       | Tiến  |            | 19/8/1988  | x |  |
|  | 312. | Võ Văn           | Thạch | 04/3/1984  |            | x |  |
|  | 313. | Bùi Thị          | Mai   |            | 04/9/1990  | x |  |
|  | 314. | Phạm Thị Thùy    | Trang |            | 27/3/1981  | x |  |
|  | 315. | Nguyễn Thị Phúc  | Hạnh  |            | 15/5/1960  | x |  |
|  | 316. | Trần Thu         | Yến   |            | 10/10/1960 | x |  |
|  | 317. | Nguyễn Thị Thanh | Thủy  |            | 02/11/1989 | x |  |
|  | 318. | Nguyễn Thị Lệ    | Hiền  |            | 02/8/1990  | x |  |

*Handwritten signature*



|              |      |                 |       |            |            |   |  |
|--------------|------|-----------------|-------|------------|------------|---|--|
|              | 319. | Trần Như Lệ     | Huyền |            | 18/12/1990 |   |  |
|              | 320. | Nguyễn Thị Kiều | Oanh  |            | 15/10/1970 | x |  |
|              | 321. | Bùi Xuân        | Thủy  | 26/7/1973  |            | x |  |
|              | 322. | Nguyễn Quang    | Duy   | 07/01/1989 |            | x |  |
|              | 323. | Bùi Minh        | Hải   | 22/5/1979  |            | x |  |
|              | 324. | Nguyễn Minh     | Đức   | 07/12/1986 |            | x |  |
|              | 325. | Lê Thị          | Hằng  |            | 01/6/1961  | x |  |
|              | 326. | Phạm Văn        | Đông  | 10/8/1984  |            | x |  |
|              | 327. | Trương Phú      | Đông  | 30/4/1977  |            | x |  |
|              | 328. | Huỳnh Tấn       | Nhật  | 18/12/1987 |            | x |  |
|              | 329. | Nguyễn Thị Bích | Trâm  |            | 15/3/1988  | x |  |
|              | 330. | Nguyễn Thị      | Nị    |            | 09/12/1988 | x |  |
|              | 331. | Phan Thị Vân    | Anh   |            | 27/8/1961  | x |  |
|              | 332. | Thái Thị Bích   | Ngọc  |            | 01/4/1979  | x |  |
|              | 333. | Nguyễn Văn      | Thành | 16/4/1976  |            |   |  |
|              | 334. | Nguyễn Hoàng    | Hải   | 11/11/1972 |            |   |  |
| Vinh<br>Lcng | 335. | Nguyễn Thị Thu  | Đông  |            | 20/10/1967 |   |  |

X/60

|              |      |              |        |           |            |   |  |
|--------------|------|--------------|--------|-----------|------------|---|--|
|              | 336. | Trần Thị Anh | Minh   |           | 12/5/1985  |   |  |
|              | 337. | Võ Thị Minh  | Thảo   |           | 04/02/1988 |   |  |
| Vĩnh<br>Phúc | 338. | Lê Thùy      | Trang  |           | 29/12/1989 | x |  |
|              | 339. | Nguyễn Thị   | Hiền   |           | 11/7/1986  | x |  |
|              | 340. | Lê Thị       | Phương |           | 09/11/1988 | x |  |
|              | 341. | Trịnh Tiến   | Thanh  | 15/8/1953 |            | x |  |
|              | 342. | Lê Thị       | Hoa    |           | 28/11/1986 | x |  |
|              | 343. | Ôn Thị       | Sinh   |           | 13/8/1961  | x |  |

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

